

Bản án số: 43/2017/HSST  
Ngày 03 tháng 8 năm 2017

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HOÁ**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Tiến

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lưu Minh Sửu
2. Ông Lê Đức Trí

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Lê Diệu Linh - Cán bộ  
Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham  
gia phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Huy - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân;  
Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 41/2017/HSST ngày 05 tháng 6 năm  
2017;

Đối với bị cáo: **Trịnh Đình L**, sinh năm 1979, tại xã T, huyện T, tỉnh  
Thanh Hóa; Trú tại: Thôn , xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao  
động tự do; Trình độ văn hóa: 03/12; Con ông Trịnh Đình Q và bà Phạm Thị T;  
Có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm  
2013; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn  
“Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

- Người bị hại: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1966, nơi cư trú: Thôn 3  
L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1983, nơi cư trú: Số nhà 04 P, phường T,  
thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1968, nơi cư trú: Số nhà 30 P, phường P,  
thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

3. Anh Trần Đình T, sinh năm 1983, nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, thành phố  
T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

## NHẬN THẤY

Bị cáo Trịnh Đình L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 23/11/2016 Trịnh Đình L đi bộ từ nhà ở xã T, huyện T ra đường và xin ngồi nhờ xe máy của một người đàn ông không quen biết lên công trường xây dựng công trình kè mương ở khu vực Cầu Đen, xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, lên đến nơi L không đi ra công trường nơi tổ thợ đang làm, mà đi vào lán nghỉ của tổ thợ gần với công trường; Lúc này thấy trong lán nghỉ không có ai nên L đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản là số tiền ăn trong tuần của anh em làm cùng trong tổ thợ với L góp lại đưa cho anh Nguyễn Đình T quản lý. L lục tìm trong ba lô đựng quần áo của anh T nhưng không tìm thấy tiền mà thấy chiếc chìa khóa xe máy của anh T để trong ba lô nên L liền nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha sirius biển kiểm soát 36B3 - 759.xx màu sơn đen của anh T đang dựng bên trong lán nghỉ đem đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Lầm cầm chìa khóa ra mở cốp xe máy của anh T thì phát hiện trong cốp có một chiếc ví giả da, kiểm tra bên trong ví có số tiền là 2.600.000 đồng cùng giấy tờ xe và giấy tờ cá nhân của anh T; Sau đó L dắt chiếc xe máy ra khỏi lán nghỉ rồi nổ máy đi về hướng thành phố T tìm nơi tiêu thụ, khi đi đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Đỗ Văn H ở số nhà 886, đường N, thành phố T, L vào hỏi anh H có nhu cầu mua xe không, lúc này ở quán có anh Trần Ngọc T đang ngồi chơi thấy có người muốn bán xe nên đã hỏi mua, L đã bán chiếc xe máy nói trên cho anh T với giá 11.000.000 đồng, khi bán hai bên có viết giấy mua bán, L đã đưa đăng ký xe máy cho anh T đồng thời phô tô chứng minh thư của L đưa cho anh T để sau này anh T đi làm thủ tục sang tên đổi chủ. Vài ngày sau anh T lại bán chiếc xe cho anh Đỗ Văn H cũng với giá 11.000.000 đồng. Đến ngày 21/01/2017 anh H lại bán chiếc xe máy nói trên cho anh Trần Đình T ở xã Đ, thành phố T với giá 13.000.000 đồng. Quá trình đi làm thủ tục sang tên chủ sở hữu xe máy nói trên, anh T mới biết chiếc xe máy là tài sản do phạm tội mà có. Đến ngày 02/03/2017 anh T đã tự nguyện giao nộp chiếc xe máy cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân.

Tại biên bản định giá tài sản số 15/BB-HĐĐG ngày 06/03/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Thọ Xuân thống nhất chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha sirius biển kiểm soát 36B3 - 759.xx màu sơn đen, số máy FC3010443, số khung EY010425 có giá trị 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Ngày 17/4/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân đã giao trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha sirius biển kiểm soát 36B3 - 759.xx màu sơn đen cho người bị hại là anh Nguyễn Đình T.

Liên quan đến vụ án này, anh Trần Đình T mua xe máy từ anh Đỗ Văn H, anh Đỗ Văn H mua xe máy từ anh Trần Ngọc T, anh Trần Ngọc T mua xe máy từ bị cáo Trịnh Đình L, nhưng đều không biết chiếc xe máy trên là tài sản do bị

cáo L trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm đối với các anh T, H và T.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Đình T đã được nhận lại tài sản bị mất trộm là chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha sirius biển kiểm soát 36B3 - 759.xx màu sơn đen và số tiền 2.600.000 đồng do Trịnh Đình L tự nguyện bồi thường, anh T không yêu cầu Trịnh Đình L phải bồi thường gì thêm. Bị cáo Trịnh Đình L đã tự nguyện bồi thường cho anh Trần Ngọc T số tiền 11.000.000 đồng; Anh Trần Ngọc T đã tự nguyện bồi thường cho anh Đỗ Văn H số tiền 11.000.000 đồng; Anh Đỗ Văn H đã tự nguyện bồi thường cho anh Trần Đình T số tiền 13.000.000 đồng. Các anh T, H và T không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 42/CT-VKS ngày 02/6/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố bị cáo Trịnh Đình L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trịnh Đình L khai nhận: hành vi của bị cáo như nội dung Cáo trạng nêu là đúng, bị cáo thừa nhận vào khoảng 08 giờ ngày 23/11/2016 bị cáo đi nhờ xe máy từ nhà ở xã T, huyện T lên công trường xây dựng công trình kè mương ở khu vực Cầu Đen, xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, nơi bị cáo đang làm thợ; Lên đến nơi bị cáo thấy một nền vào trong lán nghỉ của tổ thợ để nghỉ một lúc; Thấy trong lán nghỉ không có ai nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản là số tiền ăn của anh em làm cùng trong tổ thợ góp lại đưa cho anh T quản lý; Bị cáo lục trong ba lô đựng quần áo của anh T nhưng không tìm thấy tiền mà chỉ thấy chiếc chìa khóa xe máy của anh T để trong ba lô, nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy của anh T đang dựng trong lán nghỉ đem đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Bị cáo cầm chìa khóa ra mở cốp xe máy của anh T thì phát hiện trong cốp có một chiếc ví giả da, bên trong ví có số tiền là 2.600.000 đồng cùng giấy tờ xe và giấy tờ cá nhân của anh T; Sau đó bị cáo dắt chiếc xe máy ra khỏi lán nghỉ rồi nổ máy và đi thẳng về hướng thành phố Thanh Hóa để tìm nơi tiêu thụ, bị cáo đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Đỗ Văn H hỏi anh H có mua xe không, lúc này trong quán có anh Trần Ngọc T đang ngồi chơi có hỏi mua xe, bị cáo đồng ý và đã bán xe máy trộm cắp cho anh T với giá 11.000.000 đồng; Sau đó bị cáo thuê xe ôm trở về nhà, số tiền bán xe được 11.000.000 đồng và 2.600.000đ trộm cắp của anh T bị cáo đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Người bị hại là anh Nguyễn Đình T vắng mặt tại phiên tòa, lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện: Từ tháng 9/2016 anh cùng anh em trong tổ thợ có thi công công trình kè đá mái đê sông ở thôn Thống Nhất, xã Xuân Thiên; Tổ thợ có làm lán nghỉ để nghỉ tạm ở ngay công trường; Sáng ngày 23/11/2016 anh T cùng tổ thợ đi ra công trường làm việc không có ai ở lại lán nghỉ, anh có dựng chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha sirius biển kiểm soát 36B3 - 759.XX, màu sơn đen trong lán nghỉ, trong cốp xe có một chiếc ví giả da bên trong ví có số tiền là 2.600.000 đồng cùng giấy tờ xe và giấy tờ cá nhân của anh; Đến khoảng 11 giờ trưa, khi anh cùng tổ thợ về lán nghỉ thì anh T phát hiện bị mất chiếc xe máy; Sau đó anh đã đến Công an xã Xuân Thiên để trình báo về sự việc bị mất trộm;

Đến ngày 16/01/2017 anh được biết có người đến công an xã Thiệu Vũ làm giấy tờ sang tên xe máy mà anh bị mất trộm trước đó, nên anh đến báo cáo Công an xã Xuân Thiên và Công an đồn Mục Sơn đề nghị giải quyết. Hiện anh đã được nhận lại chiếc xe máy bị mất trộm cùng giấy Đăng ký xe và được bị cáo L bồi thường số tiền 2.600.000 đồng, nên anh T không yêu cầu Trịnh Đình L phải bồi thường gì thêm.

Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong hồ sơ vụ án thể hiện: Anh Trần Ngọc T đã được bị cáo Trịnh Đình L tự nguyện bồi thường số tiền 11.000.000 đồng; Anh Đỗ Văn H đã được anh Trần Ngọc T tự nguyện bồi thường số tiền 11.000.000 đồng; Anh Trần Đình T đã được anh Đỗ Văn H tự nguyện bồi thường số tiền 13.000.000 đồng. Các anh T, H và T không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Đình L phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng: khoản 1 Điều 138; các điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trịnh Đình L từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét, giải quyết.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo nhận tội và xin được hưởng khoan hồng, được giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

### **XÉT THẤY**

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời trình bày của người bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng hơn 08 giờ ngày 23/11/2016 Trịnh Đình L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha sirius biển kiểm soát 36B3 - 759.74 màu sơn đen của anh Nguyễn Đình T đang dựng trong lán nghỉ của tổ thợ và số tiền 2.600.000 đồng anh T cất trong ví giả da cùng giấy tờ xe để trong cốp xe; Giá trị chiếc xe máy bị cáo chiếm đoạt là 11.000.000 đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh T là 13.600.000 đồng (mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Trong vụ án này, bị cáo Trịnh Đình L phạm tội do bộc phát, khi nhận thấy có sự sơ hở của người bị hại trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã nổi lòng tham

và lợi dụng để chiếm đoạt tài sản của người bị hại, chính là những người cùng làm trong tổ thợ với mình. Vụ án xảy ra đã gây nên tâm lý hoang mang, bất bình trong nhân dân, đồng thời gây mất trật tự trị an, làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội; Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; Khi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Do đó cần phải xử lý vụ án nghiêm, tương xứng với hành vi của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Ngoài ra người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo nhất thời phạm tội ít nghiêm trọng, tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu giữ và trả lại cho người bị hại, đã tự nguyện bồi thường xong về trách nhiệm dân sự; Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng, có bốn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nên bị cáo có đủ điều kiện để được cho hưởng án treo; Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi hai con nhỏ, vợ lại đang mang thai con thứ ba, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Liên quan đến vụ án này, anh Trần Đình T mua xe máy từ anh Đỗ Văn H, anh Đỗ Văn H mua xe máy từ anh Trần Ngọc T, anh Trần Ngọc T mua xe máy từ bị cáo Trịnh Đình L, nhưng đều không biết chiếc xe máy trên là tài sản do bị cáo L trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm đối với các anh T, H và T là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Nguyễn Đình T đã nhận lại tài sản là chiếc xe máy bị mất trộm và số tiền 2.600.000 đồng do bị cáo Trịnh Đình L tự nguyện bồi thường; Anh T không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Anh Trần Ngọc T đã được bị cáo Trịnh Đình L tự nguyện bồi thường số tiền 11.000.000 đồng;

Anh Đỗ Văn H đã được anh Trần Ngọc T tự nguyện bồi thường số tiền 11.000.000 đồng; Anh Trần Đình T đã được anh Đỗ Văn H tự nguyện bồi thường số tiền 13.000.000 đồng. Các anh T, H và T không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

Về vật chứng vụ án: Chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha sirius, biển kiểm soát 36B3 - 759.XX màu sơn đen, Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Đình L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Các điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Đình L 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (03/8/2017).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bị cáo Trịnh Đình L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại, các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Minh Tiến**